

Số: 252 /QĐ-PTTH

Bình Thuận, ngày 26 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Quy định mức thu quảng cáo, dịch vụ năm 2015

GIÁM ĐỐC ĐÀI PHÁT THANH – TRUYỀN HÌNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 28/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc ban hành qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Đài Phát thanh- Truyền hình Bình Thuận;

Căn cứ Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ thực tế thực hiện công tác thu quảng cáo dịch vụ năm 2014 của Đài Phát thanh – Truyền hình Bình Thuận;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Tổng hợp Đài Phát thanh – Truyền hình Bình Thuận;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Bảng giá quảng cáo, dịch vụ năm 2015”;

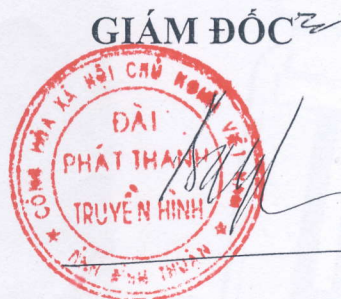
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015 và thay thế Quyết định số 254/QĐ-PTTH ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Đài PT-TH Bình Thuận.

Điều 3. Giao trách nhiệm cho phòng Tổ chức – Hành chính Tổng hợp và các Phòng, Tổ của Đài Phát thanh – Truyền hình Bình Thuận thực hiện việc thu, nộp nguồn thu quảng cáo đối với các hợp đồng quảng cáo theo đúng Bảng giá quảng cáo, dịch vụ năm 2015 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Tổng hợp và các Phòng, Tổ của Đài Phát thanh – Truyền hình Bình Thuận căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính(để quản lý);
- Cục Thuế tỉnh(để quản lý);
- Ban giám đốc Đài;
- Các phòng, tổ chuyên môn;
- Lưu VP/QCDV.Minh(01b).



Lê Văn Bảy

BẢNG GIÁ QUẢNG CÁO, DỊCH VỤ NĂM 2015

Áp dụng từ ngày 01/01/2015, đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 252/QĐ-PTTH ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Đài

Phát thanh – Truyền hình Bình Thuận.

I. Quảng cáo, tự giới thiệu trên truyền hình:

DVT: 1.000 đồng

Mã giờ	Chương trình phát sóng	Thời điểm quảng cáo	Đơn giá quảng cáo		Đơn giá tự giới thiệu
			05-15 giây	30 giây	01 phút
1. Buổi sáng-trưa (06h-11h):					
1.1	Thời sự/Bản tin sáng 6h00	Trước	500	1.000	
1.2	Phim Việt Nam 6h10-6h55	Trước Tít phim	750	1.500	2.000
		Giữa phim	1.250	2.500	
		Sau phim	1.000	2.000	
1.3	Bản tin nông nghiệp7h00	Sau	1.000	2.000	
1.4	Phim nước ngoài 8h00-8h45	Trước Tít phim	1.000	2.000	2.000
		Giữa phim	1.500	3.000	
		Sau phim	1.000	2.000	
1.5	Phim nước ngoài 9h45-10h35 (trừ thứ 7,CN)	Trước Tít phim	1.500	3.000	2.000
		Giữa phim	2.000	4.000	
		Sau phim	2.000	4.000	
1.6	Tọa đàm trực tiếp 10h-11h (Thứ 7,CN)	Trước	2.500	5.000	2.000
2. Buổi trưa-chiều (11h00-18h55)					
2.1	Thị trường đời sống 11h20 (trừ CN)	Trước	2.000	4.000	
2.2	Bản tin thời sự trưa 11h30 (trừ CN)	Trước	2.500	5.000	
2.3	Phim nước ngoài 11h50-13h20	Trước Tít phim	3.500	7.000	3.000
		Sau nhạc đầu phim	4.000	8.000	
		Giữa tập đầu phim	4.000	8.000	
		Giữa 2 tập phim	4.000	8.000	
		Sau 2 tập phim	2.500	5.000	3.000
2.4	Phim nước ngoài 15h10-16h40 (trừ Thứ 7,CN)	Trước Tít phim	2.500	5.000	3.000
		Giữa tập đầu phim	3.000	6.000	
		Giữa 2 tập phim	3.000	6.000	
		Sau 2 tập phim	2.500	5.000	3.000
2.5	Bản tin thể thao 17h40	Trước	1.500	3.000	

Mã giờ	Chương trình phát sóng	Thời điểm quảng cáo	Đơn giá quảng cáo		Đơn giá tự giới thiệu
			05-15 giây	30 giây	01 phút
2.6	Phim nước ngoài 17h50-18h40	Trước Tít phim	3.500	7.000	4.000
		Sau nhạc phim	4.500	9.000	
		Giữa phim	4.500	9.000	
		Sau phim	4.000	8.000	
2.7	Bản tin nông nghiệp 18h45	Trước	4.000	8.000	
3. Buổi tối-khuya (18h55-24h)					
3.1	Thời Sự VTV 19h00	Trước	4.500	9.000	6.000
3.2	Thời Sự Bình Thuận 19h45	Trước	6.000	12.000	
		Sau	6.500	13.000	
3.3	“Đi về bình yên” 20h10 (thứ 7)	Sau	6.500	13.000	
3.4	Phim Việt Nam 20h20-21h10	Trước Tít phim	7.000	14.000	7.000
		Sau nhạc phim	7.500	15.000	
		Giữa phim	7.500	15.000	
		Cuối phim-	7.000	14.000	5.000
3.5	Phim nước ngoài 21h25-23h00	Trước Tít phim	6.500	13.000	5.000
		Sau nhạc phim	6.500	13.000	
		Giữa tập phim đầu	6.500	13.000	
		Giữa 2 tập phim	6.000	12.000	
		Cuối phim	3.000	6.000	
3.6	Bản tin cuối ngày 23h	Sau	2.000	4.000	2.000
3.7	Phim nước ngoài 23h45-0h30	Trước	2.000	4.000	

Ghi chú :

- Các phim quảng cáo có thời lượng 20 giây, trên 30 giây được tính theo tỷ lệ đơn giá 30 giây.
- Phim tự giới thiệu phải có thời lượng từ 02 phút đến 05 phút.

II. Quảng cáo, tự giới thiệu trên sóng phát thanh FM 92,3 Mhz:

DVT: 1.000 đồng

Số TT	Chương trình phát sóng	Thời điểm quảng cáo	Đơn giá quảng cáo 30 giây	Đơn giá tự giới thiệu 01phút
1	Sau Bình Thuận ngày mới	05h30-5h35	1.000	1.000
2	Trước, Sau Thời Sự tổng hợp trực tiếp	11h00-11h30	2.000	
3	Trước, Sau Ca nhạc giao lưu trực tiếp (trừ T7,CN)	17h00-18h00		
4	Trước, Sau Tin Thể Thao	21h10-21h15	1.000	

Ghi chú :

- Các phim quảng cáo có thời lượng trên 30 giây được tính theo tỷ lệ đơn giá 30 giây.

III. Thông báo, rao vặt:

3.1 Trên sóng Truyền hình:

ĐVT: đồng

Số TT	Giờ phát sóng	Nội dung thông báo (đồng/01âm đọc)			
		A	b	c	d
		Nhắn tin, tin buồn, cảm tạ, tìm người thân, hợp mặt,...	Chiêu sinh, tuyển dụng, hội thảo, giải tỏa đền bù,...	Thông báo mang tính chất kinh doanh, quảng cáo,...	Thông báo bán đấu giá, mời thầu,...của các đơn vị HC, SN Nhà nước
1	Bạn cần biết 1 (17h00 – 17h10)	3.000	3.000		3.000
2	Bạn cần biết 2 (18h45 – 18h50)		6.000		
3	Thông tin kinh tế 1 (18h50 – 19h00)			8.000	
4	Thông tin kinh tế (20h00 – 20h10)			12.000	

Quy định khác:

- Thông báo kèm hình: 50.000 đồng/01hình (chỉ áp dụng cho nội dung b,c,d).
- Các thông báo khác (chế độ chính sách, thông báo mang tính chất xã hội, nhân đạo,...) do Giám đốc Đài quyết định.
- Đưa tin khai trương, mừng ngày thành lập công ty/chi nhánh, đón nhận danh hiệu, chăm sóc khách hàng,..., phát sóng trong các bản tin thời sự, chương trình khoa giáo, văn nghệ, chương trình khác với thời lượng 01 phút, đơn giá là : 4.000.000đồng/1 lần
 - + Các huyện thị xã trong tỉnh Bình Thuận: khách hàng hỗ trợ phương tiện ô tô.
 - + Ngoài tỉnh Bình Thuận: giá thỏa thuận.
- Phát sóng chúc mừng năm mới thời lượng phát sóng tối đa 30 giây, giá 200.000đồng/ 1 lần phát sóng.

3.2 Trên sóng Phát thanh:

- Đơn giá: 3.000 đồng/âm đọc cho tất cả các khung giờ quảng cáo trên sóng phát thanh (Mục II).
- Các thông báo khác (chế độ chính sách, thông báo mang tính chất xã hội, nhân đạo,...) do Giám đốc Đài quyết định.

IV. Panel, Pop up, Key logo chạy chữ

Số TT	Chương trình phát sóng	Đơn giá (đồng/01lần)		
		Panel	Pop up	Logo chạy chữ
1	Các chương trình 05h30-19h00: chiếu phim; gameshow; các chương trình giải trí; thị trường đời sống; bản tin thể thao; giới thiệu chương trình phát sóng; các chương trình khoa giáo-văn nghệ khác.	700.000	200.000	100.000
2	Các chương trình 20h10-23h00: chiếu phim, gameshow, các chương trình giải trí, thị trường đời sống, bản tin thể thao, giới thiệu chương trình phát sóng, Không gian quanh ta, Vì chất lượng sống, các chương trình khoa giáo-văn nghệ khác.	2.000.000	300.000	200.000
3	Các chương trình từ sau 23h00-05h00	200.000	100.000	50.000

Qui định khác:

- Panel (5 giây) : bung toàn màn hình: phát trước hoặc sau chương trình.
- Pop up và Key logo chạy chữ dưới chân màn hình (từ 5 đến 15 giây): chiếm 1/10 chiều cao màn hình: phát trong chương trình.

V. Thực hiện phim :

Số TT	Thể loại phim	Đơn giá (đồng)
1	Phim phóng sự, tự giới thiệu	3.000.000 / phút
2	Phim quảng cáo đơn giản	5.000.000 / 30 giây
3	Phim quảng cáo có kịch bản	Theo giá thỏa thuận

VI. In sang băng, đĩa:

Số TT	In sang chương trình phát thanh, truyền hình (không bao gồm tiền đĩa, ổ cứng)	Đơn giá	
		Thời lượng dưới 5 phút (đồng/01 chương trình)	Thời lượng trên 5-phút (đồng/01phút)
1	Đĩa DVD	50.000	10.000
2	Ổ cứng	50.000	7.000

Số: **253** /QĐ-PTTH

Bình Thuận, ngày 26 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**V/v: Quy định mức giảm giá và chi hoa hồng
đối với các hợp đồng quảng cáo năm 2015**

GIÁM ĐỐC ĐÀI PHÁT THANH – TRUYỀN HÌNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 28/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc ban hành qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Đài Phát thanh- Truyền hình Bình Thuận;

Căn cứ Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ thực tế thực hiện công tác thu quảng cáo dịch vụ năm 2014 của Đài Phát thanh – Truyền hình Bình Thuận;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Tổng hợp Đài Phát thanh – Truyền hình Bình Thuận;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “ Quy định mức giảm giá và chi hoa hồng đối với các hợp đồng quảng cáo năm 2015 ”;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015 và thay thế Quyết định số 107/QĐ-PTTH, ngày 06/6/2014 của Đài Phát thanh – Truyền hình Bình Thuận.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Tổng hợp và các Phòng, Tổ của Đài Phát thanh – Truyền hình Bình Thuận căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính(đề quản lý);
- Cục Thuế tỉnh(đề quản lý);
- Ban giám đốc Đài;
- Các phòng, tổ chuyên môn;
- Lưu VP/QCDV.Minh(01b).

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Bảy

QUY ĐỊNH
MỨC GIẢM GIÁ VÀ CHI HOA HỒNG
ĐỐI VỚI CÁC HỢP ĐỒNG QUẢNG CÁO, DỊCH VỤ NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 253 /QĐ-PTTH ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Đài Phát thanh – Truyền hình Bình Thuận)

I- MỨC GIẢM GIÁ:

1. Hợp đồng quảng cáo trên truyền hình:

Số TT	Giá trị hợp đồng quảng cáo (Khách hàng là các đơn vị hoạt động quảng cáo tại việt nam và các doanh nghiệp, nhà sản xuất)	Tỷ lệ giảm (%)
1	Từ 10 triệu đồng đến dưới 20 triệu đồng	2
2	Từ 20 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng	3
3	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	5
4	Từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng	7
5	Từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng	9
6	Từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng	12
7	Từ 1 tỷ đồng đến dưới 2 tỷ đồng	15
8	Từ 2 tỷ đồng đến dưới 3 tỷ đồng	18
9	Từ 3 tỷ đồng đến dưới 4 tỷ đồng	20
10	Từ 4 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng	23
11	Từ 5 tỷ đồng đến dưới 6 tỷ đồng	25
12	Từ 6 tỷ đồng đến dưới 7 tỷ đồng	28
13	Trên 7 tỷ đồng	30

2. Hợp đồng quảng cáo trên phát thanh (FM):

Số TT	Giá trị hợp đồng quảng cáo (Khách hàng là các đơn vị hoạt động quảng cáo tại việt nam và các doanh nghiệp, nhà sản xuất)	Tỷ lệ giảm (%)
1	Từ 5 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng	25
2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	30
3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	35
4	Từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng	40
5	Từ 500 triệu đồng trở lên	50

3. Hợp đồng hợp tác khai thác dịch vụ quảng cáo khác ...trên phát thanh, truyền hình:

Tùy theo tính chất cụ thể từng hợp đồng phối hợp khai thác quảng cáo, dịch vụ, Giám đốc Đài quyết định mức giảm giá cho phù hợp với hoạt động phối hợp khai thác nguồn thu và mang lại hiệu quả doanh thu của đơn vị.

II – CHI HOA HỒNG:

1.Đối tượng : Khách hàng không giảm giá trực tiếp trên hợp đồng thì được hưởng hoa hồng; (nếu là cá nhân phải khấu trừ thuế thu nhập theo qui định).

2.Tỷ lệ chi: không bao gồm thuế giá trị gia tăng, cụ thể:

Số TT	Giá trị hợp đồng quảng cáo (Khách hàng là các đơn vị hoạt động quảng cáo tại việt nam và các doanh nghiệp, nhà sản xuất)	Tỷ lệ (%)
1	Từ 10 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	2
2	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	3
3	Từ 200 triệu đồng trở lên	4

3.Điều kiện chi:

Phải thanh toán đủ 100% giá trị hợp đồng